Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 36 ra ngày 4/9/2023

Trong số này: ***Trang***

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN 2

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN 4

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU 5

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Hàn Quốc giảm 5

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ giảm mạnh 10

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần 12

Nhập khẩu gỗ Hương từ Châu Phi giảm nhẹ 16

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần 18

Dự báo, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ tiếp tục gặp nhiều khó khăn 21

Xuất khẩu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ 24

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ 26

Thương mại điện tử đồ nội thất tăng nhanh trên thị trường toàn cầu 26

Xuất khẩu gỗ sồi trắng của Mỹ sang EU tăng 116% 27

THAM KHẢO 28

Mỹ tiếp tục gia hạn thời gian điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với tủ gỗ từ nhập khẩu Việt Nam 28

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG

Phòng Thông tin Xuất nhập khẩu

655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Bộ phận biên tập:

Tel: (024) 22192875

Phụ trách nội dung

DĐ: 0986836889

Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:

Tel: (024) 37152586

(024) 37152585

(024) 37152584

Fax: (024) 37152574

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Trong tuần vừa qua, kinh tế Mỹ xuất hiện điểm sáng với doanh thu tiêu dùng tăng mạnh, trong khi kinh tế Trung Quốc và châu Âu chưa có dấu hiệu khả quan. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại đã có những tác động xấu đối với các nền kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu như trao đổi thương mại quốc tế sụt giảm, áp lực giảm phát, phục hồi du lịch chậm, nhu cầu hàng hóa đặc biệt là hàng xa xỉ giảm… Tuy nhiên, sự tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc cũng có khả năng sẽ kéo giá dầu toàn cầu đi xuống và giảm phát ở nước này đồng nghĩa với việc giá hàng hóa trên toàn thế giới giảm.

Tại Mỹ: Theo Cục điều tra dân số Mỹ, doanh số bán lẻ trong tháng 7/2023 của Mỹ tăng 0,7% so với tháng 6/2023 và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm ngoái, cao gấp đôi mức tăng trong tháng 6/2023. Trong đó, doanh số dịch vụ ăn uống của quốc gia này tháng 7/2023 tăng tới 11,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức lạm phát ở Mỹ có chiều hướng giảm, giúp giảm bớt áp lực đối với người tiêu dùng. Tuy nhiên, số lượng cơ hội việc làm trong tháng 7/2023 giảm khiến niềm tin của người tiêu dùng trong tháng 8/2023 giảm nhiều hơn dự báo trước đó. Theo đó, số lượng cơ hội việc làm tại Mỹ tháng 7/2023 giảm 338 nghìn so với tháng trước xuống còn 8,827 triệu, mức thấp nhất kể từ tháng 3/2021. Đây cũng là tháng thứ ba liên tiếp số lượng cơ hội việc làm tại Mỹ giảm, cho thấy thị trường lao động đang dần chậm lại sau nhiều tháng Fed thắt chặt chính sách tiền tệ chưa từng có. Niềm tin của người tiêu dùng Mỹ, được đo bằng chỉ số của Conference Board, đã giảm xuống 106,1 từ mức 114,0 của tháng 7/2023.

Tại Trung Quốc: Kinh tế Trung Quốc tiếp tục có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại khi thu nhập của các công ty công nghiệp giảm trong bối cảnh khả năng phục hồi kinh tế suy yếu, nhu cầu yếu và áp lực ký quỹ kéo dài. Theo Tổng cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), thu nhập trong 7 tháng đầu năm 2023 của các công ty công nghiệp đã giảm 15,5% so với cùng kỳ năm trước, sau khi giảm 16,8% trong nửa đầu năm nay và giảm 4% vào năm 2022. Như vậy, sau nhiều thập kỷ tăng trưởng nhanh, kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với những rào cản chưa từng có khi người tiêu hạn chế chi tiêu, xuất khẩu giảm, giá cả giảm và tỷ lệ thất nghiệp cao ở người trẻ. Để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, trong vài tháng gần đây, Trung Quốc chủ trương tập trung vào thúc đẩy thị trường chứng khoán, khuyến khích mua hàng tiêu dùng, mua xe và hỗ trợ các công ty tư nhân tăng đầu tư. Theo đó, Trung Quốc đã phác thảo kế hoạch thúc đẩy tiêu dùng, từ đồ điện gia dụng đến nội thất. Ngày 28/7/2023, Trung Quốc đưa ra kế hoạch nhằm tăng sản xuất hàng tiêu dùng nhỏ gồm tăng bán sản phẩm xanh và sản phẩm phục vụ nhà thông minh tại vùng nông thôn, đồng thời mở rộng sản phẩm dùng pin như xe điện. Các doanh nghiệp nhỏ cũng sẽ được tiếp cận vốn tốt hơn.

Tại châu Âu: Chính sách tài chính thắt chặt khiến việc cho vay tiền của ngân hàng đối với các hộ gia đình tại khu vực đồng tiền chung châu Âu tăng chậm nhất kể từ tháng 11/2015, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2022 lên 6,86 nghìn tỷ EUR vào tháng 7/2023. Điều này cho thấy nhu cầu tín dụng tại khu vực đồng Euro vẫn tiếp tục giảm tốc do chính sách thắt chặt chưa từng có của ECB. Cho vay của các ngân hàng đối với các công ty tại Eurozone tăng 2,2%, thấp nhất kể từ tháng 9/2021. Tăng trưởng tín dụng tổng thể của khu vực tư nhân, bao gồm cả hộ gia đình và tập đoàn phi tài chính, giảm xuống 1,6% trong tháng 7, tốc độ yếu nhất kể từ tháng 6 năm 2016. Đây là dấu hiệu cho thấy sự tăng trưởng kém khả quan của nền kinh tế khu vực. Theo ước tính sơ bộ, chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tại Khu vực đồng Euro đã giảm xuống -

16 vào tháng 8/2023 từ mức -15,1 vào tháng 7/2023. Tại Liên minh Châu Âu, tâm lý người tiêu dùng giảm 0,9 điểm xuống -17. Nhìn chung, niềm tin của người tiêu dùng vẫn ở dưới mức trung bình dài hạn do lãi suất cao và lạm phát.

2. Kinh tế trong nước

Các giải pháp quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong những tháng đầu năm đã có những tác động tích cực đến nền kinh tế, tháng 8/2023 kinh tế trong nước tiếp tục có tín hiệu khả quan. Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, tháng 8/2023, hoạt động sản xuất công nghiệp có xu hướng tích cực, hoạt động thương mại dịch vụ trong nước sôi động, hoạt động ngoại thương cải thiện. Cụ thể:

Sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 tiếp tục xu hướng tích cực với chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 ước tính tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp ngành chế biến, chế tạo tháng 8/2023 ước tính tăng 3,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,7%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,8%; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính vẫn giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước do tình hình kinh tế thế giới những tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất công nghiệp trong nước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm 0,6%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,7%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,8%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 2,5%, làm giảm 0,4 điểm phần trăm.

Hoạt động thương mại dịch vụ tháng 8/2023 diễn ra khá sôi động với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu du lịch lữ hành tăng 47%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa 8 tháng năm 2023 ước đạt 3.175,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 78,5% tổng mức và tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 7,4%).

Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 8/2023 tiếp tục cải thiện với tổng kim ngạch ước đạt 60,92 tỷ USD, tăng 6,7% so với tháng trước, nhưng vẫn giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó xuất khẩu đạt mức cao nhất từ đầu năm đến nay, ước đạt 32,37 tỷ USD, tăng 7,7% so với tháng trước nhưng giảm 7,6% so với cùng kỳ năm ngoái; nhập khẩu ước đạt 28,55 tỷ USD, tăng 5,7% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 8,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Một trong những điểm tích cực là kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khả quan trong tháng 8/2023. Điều này cho thấy tình hình sản xuất hàng xuất khẩu đã có phần cải thiện so với các tháng trước. Tính chung 8 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 435,23 tỷ USD, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 10%; nhập khẩu giảm 16,2%. Cán cân thương mại hàng hóa 8 tháng năm 2023 ước tính xuất siêu 20,19 tỷ USD.

Đầu tư cũng ghi nhận sự cải thiện với vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 8/2023 ước đạt 61,3 nghìn tỷ đồng, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 352,1 nghìn tỷ đồng, bằng 49,4% kế hoạch năm và tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 47,6% và tăng 17,1%). Trong khi đó, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/8/2023 đạt gần 18,15 tỷ USD, tăng

8,2% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, vốn FDI thực hiện 8 tháng ước đạt 13,1 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm. Đây là số vốn FDI thực hiện cao nhất của 8 tháng trong 5 năm qua.

Tuy nhiên, những tháng còn lại của năm 2023 vẫn ẩn chứa nhiều thách thức, khó khăn. Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ hội phục hồi mạnh trong những tháng tới là không lớn trong bối cảnh nhu cầu bên ngoài chưa cho thấy sự cải thiện mạnh. Bên cạnh đó, sức hấp thụ vốn của nền kinh tế yếu, tăng trưởng tín dụng thấp dù lãi suất hạ trong thời gian vừa qua cũng cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn.

Một điểm đáng quan tâm là chỉ số giá tiêu dùng trong nước tháng 8/2023 tăng mạnh. Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2023 tăng 0,88% so với tháng trước. Việc CPI tháng 8 tăng mạnh so với tháng trước chủ yếu đến từ giá xăng dầu, giá gạo trong nước (tăng theo giá thế giới) và giá thuê nhà ở tăng. Chỉ số giá tiêu dùng tăng trong bối cảnh hiện nay cũng phần nào tác động đến người tiêu dùng trong nước.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới Hàn Quốc trong tháng 8/2023 đạt 66 triệu USD, giảm 10,3% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hàn Quốc ước tính đạt 528 triệu USD, giảm 21,9% so với cùng kỳ năm 2022.
- Ước tính, trong tháng 8/2023 xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 136 triệu USD, giảm 28,8% so với tháng 8/2022. Trong 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ ước đạt 998 triệu USD, giảm 39,3% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023, đạt 371,7 triệu USD, tăng 15,3% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 217,8 triệu USD, tăng 18,1% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ hương của Việt Nam tháng 8/2023 đạt 12,0 nghìn m^3, trị giá 4,2 triệu USD, tăng 3,2% về lượng và tăng 2,4% về trị giá so với tháng 7/2023; so với tháng 8/2022 giảm 48,4% về lượng và giảm 56,4% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ hương đạt 90,4 nghìn m^3, trị giá 33,6 triệu USD, giảm 17,9% về lượng và giảm 29,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Trong tuần từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 44,2 triệu USD, tăng 16,0% so với tuần trước.
- Ước tính, xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 8/2023 đạt 9,5 triệu USD, tăng 7,1% so với tháng 7/2023, nhưng giảm 34,0% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ ước tính đạt 88,926 triệu USD, giảm 45,8% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ 08/82023 đến 22/8/2023 đạt 5,01 triệu USD, tăng 8,3% so với kỳ trước (từ 25/72023 đến 08/8/2023).

QUỐC TẾ:

- **Thế giới:** Trong khoảng 2 thập kỷ, số lượng người dùng internet đã tăng từ khoảng 418 triệu lên hơn 4 tỷ, với doanh số bán hàng trực tuyến đạt 5,7 nghìn tỷ USD từ mức chỉ 50 tỷ USD vào năm 2000.
- **Mỹ:** Xuất khẩu gỗ sồi trắng từ Mỹ sang Liên minh Châu Âu trong 6 tháng đầu năm 2023 tăng 116%, trong khi tổng lượng xuất khẩu gỗ sồi trắng Mỹ tới các thị trường giảm 9% so với cùng kỳ năm 2022.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Hàn Quốc giảm

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới Hàn Quốc trong tháng 8/2023 đạt 66 triệu USD, giảm 10,3% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hàn Quốc ước tính đạt 528 triệu USD, giảm 21,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc qua các tháng giai đoạn 2021 - 2023 (*ĐVT: triệu USD*)

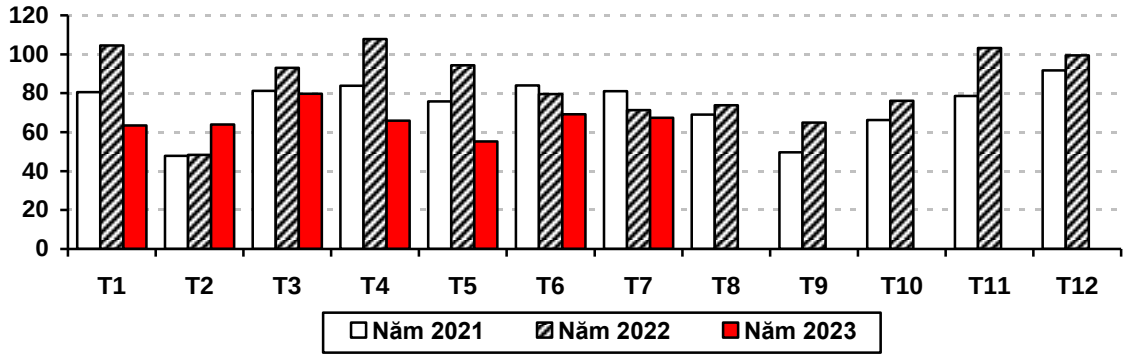

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, hầu hết mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Hàn Quốc trong 7 tháng đầu năm 2023 đều có kim ngạch giảm mạnh. Trong đó, dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng gỗ, ván và ván sàn đạt 138,5 triệu USD, giảm 22,3% so với cùng kỳ năm 2022; Tiếp theo là mặt hàng viên gỗ nén đạt 133,4 triệu USD, giảm 41,5%; đồ nội thất bằng gỗ đạt 100,8 triệu USD, giảm 20,5%...

Nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng chậm lại do tình hình kinh tế Hàn Quốc gặp nhiều khó khăn. Hàn Quốc là trung tâm thương mại toàn cầu và là nền kinh tế xuất khẩu lớn. Tuy nhiên, theo nguồn Reuters, xuất khẩu của Hàn Quốc có thể giảm trong tháng 8 và đây là tháng thứ 11 liên tiếp giảm, do sự phục hồi kinh tế tại thị trường xuất khẩu hàng đầu là Trung Quốc tiếp tục trì trệ. Cùng với đó, nhu cầu yếu từ EU và Mỹ cũng là yếu tố chính khiến hoạt động xuất khẩu nước này giảm.

Kinh tế khó khăn khiến nhu cầu nhập khẩu nhiều mặt hàng không thiết yếu giảm mạnh, trong đó có mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 7 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc đạt 173,6 nghìn tấn, trị giá 516,5 triệu USD, giảm 15,3% về lượng và giảm 24,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Trung Quốc và Việt Nam là 2 thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ chính cho Hàn Quốc, tuy nhiên lượng và trị giá

nhập khẩu từ 2 thị trường này đều giảm mạnh trong 7 tháng đầu năm 2023.

Đối với mặt hàng gỗ viên nén, nhu cầu nhập khẩu của Hàn Quốc đang có xu hướng giảm. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 7 tháng đầu năm 2023, Hàn Quốc nhập khẩu gỗ viên nén đạt 2,1 triệu tấn, trị giá 351,6 triệu USD, giảm 5,1% về lượng và giảm 13,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Hàn Quốc giảm nhập khẩu từ thị trường cung cấp lớn nhất là Việt Nam, nhưng tăng mạnh nhập khẩu từ Nga, Indonesia, Canada, Thái Lan... Viên nén xuất khẩu đi Hàn Quốc chủ yếu làm từ gỗ phụ phẩm của ngành chế biến đồ gỗ như mùn cưa, dăm bào, đầu mẩu gỗ thừa. Xuất khẩu đồ gỗ suy giảm khiến lượng phụ phẩm của ngành chế biến gỗ là mùn cưa, vỏ bào, các cành cây nhỏ cũng giảm theo. Điều này tạo ra sự thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu cho viên nén xuất khẩu sang Hàn Quốc, đã đẩy giá nguyên liệu và giá thành sản xuất viên nén lên cao. Trong khi đó, giá nhập khẩu viên nén gỗ của Hàn Quốc từ Việt Nam có xu hướng giảm. Hiện nay Hàn Quốc đang đa dạng hóa nguồn cung viên nén gỗ. Trước khi cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina xảy ra, mỗi năm Nga xuất khẩu khoảng 3 triệu tấn viên nén ra thế giới, chủ yếu là vào khối EU. Tuy nhiên, hiện nay Nga không thể xuất khẩu viên nén vào thị trường EU và đã đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc. Những năm qua, khủng hoảng năng lượng trên thế giới cũng làm nhu cầu và giá viên nén gỗ tại thị trường thế giới tăng rất mạnh, dẫn đến hình thành làn sóng đầu tư vào sản xuất viên nén ở nhiều quốc gia như Malaysia, Thái Lan và Indonesia.

Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường Hàn Quốc vẫn chưa có tín hiệu khả quan, bởi kinh tế Hàn Quốc vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, khiến nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu chậm. Theo Bộ Tài chính Hàn Quốc dự báo, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này sẽ tăng 1,4% trong năm nay, giảm nhẹ so với dự báo được đưa ra trước đó là 1,6%. Hàn Quốc đã cắt giảm triển vọng tăng trưởng cho năm 2023 bởi những lo ngại về bất ổn của nền kinh tế toàn cầu cũng như đà tăng trưởng yếu ở Trung Quốc và Mỹ.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng	**67.475**	**-5,7**	**462.057**	**-23,3**	**100,0**	**100,0**
Gỗ, ván và ván sàn	21.932	1,6	138.450	-22,3	30,0	29,6
Viên gỗ nén	17.402	-32,3	133.376	-41,5	28,9	37,9
Đồ nội thất bằng gỗ	15.008	-10,0	100.820	-20,5	21,8	21,1
Ghế khung gỗ	*6.395*	*-7,6*	*41.459*	*-13,6*	*9,0*	*8,0*
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	*3.702*	*-8,7*	*23.653*	*-1,1*	*5,1*	*4,0*
Đồ nội thất nhà bếp	*2.449*	*-12,7*	*16.544*	*-37,2*	*3,6*	*4,4*
Đồ nội thất phòng ngủ	*2.009*	*-13,5*	*15.741*	*-34,6*	*3,4*	*4,0*
Đồ nội thất văn phòng	*452*	*-20,7*	*3.422*	*-23,5*	*0,7*	*0,7*
Dăm gỗ	8.608	135,4	59.538	36,5	12,9	7,2
Cửa gỗ	427	-18,9	2.340	-10,5	0,5	0,4
Đồ gỗ mỹ nghệ	106	497,4	340	-31,4	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc qua các tháng giai đoạn 2021 - 2023 (*ĐVT: triệu USD*)

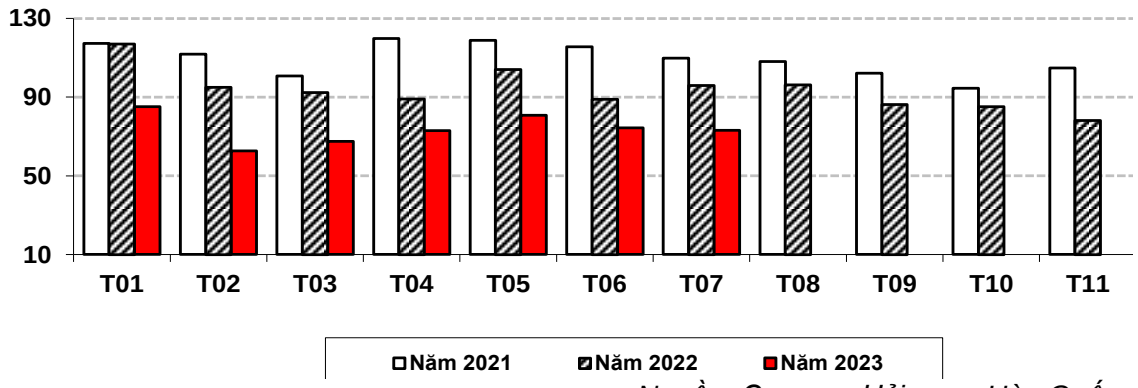

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Mặt hàng nội thất bằng gỗ Hàn Quốc nhập khẩu trong 7 tháng năm 2023

Mã HS	Tên hàng	7 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
		Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng		**173.571**	**516.520**	**-15,3**	**-24,3**	**100,0**	**100,0**
940169 + 940161	Ghế khung gỗ	68.709	272.799	-8,6	-20,4	39,6	36,7
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	44.639	103.091	-17,7	-31,2	25,7	26,5
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	30.562	58.062	-19,5	-33,4	17,6	18,5
940330	Đồ nội thất văn phòng	20.334	32.743	-20,7	-27,4	11,7	12,5
940340	Đồ nội thất nhà bếp	9.326	49.825	-21,5	-13,0	5,4	5,8

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Hàn Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường chính 7 tháng năm 2023

Thị trường	7 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng	**173.571**	**516.520**	**-15,3**	**-24,3**	**100,0**	**100,0**
Trung Quốc	136.493	335.087	-10,0	-21,0	78,6	74,0
Việt Nam	24.256	69.711	-28,5	-35,5	14,0	16,6
EU	6.832	78.946	-19,8	-15,9	3,9	4,2
Đức	*2.873*	*22.680*	*102,6*	*43,4*	*1,7*	*0,7*
Italia	*1.596*	*30.238*	*-49,7*	*-33,1*	*0,9*	*1,5*
Ba Lan	*824*	*4.262*	*-43,1*	*-24,8*	*0,5*	*0,7*
Lítva	*320*	*1.522*	*-50,6*	*-32,9*	*0,2*	*0,3*
Rumani	*263*	*2.999*	*7,1*	*38,0*	*0,2*	*0,1*
Đan Mạch	*207*	*4.563*	*-40,6*	*-31,0*	*0,1*	*0,2*
Pháp	*130*	*2.851*	*-29,8*	*-31,6*	*0,1*	*0,1*

Thị trường	7 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Slovakia	*105*	*781*	*-56,9*	*-29,9*	*0,1*	*0,1*
CH Séc	*89*	*982*	*-33,5*	*17,0*	*0,1*	*0,1*
Slovenia	*86*	*1.302*	*-27,7*	*15,1*	*0,0*	*0,1*
Phần Lan	*58*	*1.476*	*52,0*	*52,0*	*0,0*	*0,0*
Bồ Đào Nha	*46*	*593*	*-55,9*	*-46,3*	*0,0*	*0,1*
Hà Lan	*46*	*1.011*	*-40,1*	*-40,7*	*0,0*	*0,0*
Thuỵ Điển	*46*	*1.190*	*-38,1*	*-41,5*	*0,0*	*0,0*
Tây Ban Nha	*41*	*1.073*	*10,7*	*29,3*	*0,0*	*0,0*
Hunggary	*40*	*326*	*9,4*	*49,5*	*0,0*	*0,0*
Látvia	*24*	*415*	*-20,3*	*-3,5*	*0,0*	*0,0*
…						
Indonesia	2.597	10.707	-35,0	-39,9	1,5	2,0
Malaysia	1.561	5.206	-37,1	-42,5	0,9	1,2
Thái Lan	818	2.891	-60,8	-47,5	0,5	1,0
Mỹ	205	4.662	-60,6	-45,3	0,1	0,3
Anh	152	1.193	-56,9	-30,4	0,1	0,2
Đài Loan	134	879	-41,7	-45,0	0,1	0,1
San Marino	108	795	-76,6	-80,1	0,1	0,2
Ấn Độ	91	754	-41,9	-17,8	0,1	0,1
Nhật Bản	86	1.282	30,6	-14,5	0,0	0,0
Na Uy	72	2.191	-33,1	-33,6	0,0	0,1
Philipine	56	264	-16,8	-28,6	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	23	111	-19,9	-21,3	0,0	0,0
Bosnia và Herzegovina	22	505	-18,1	87,0	0,0	0,0
Hồng Kông	16	35	-76,4	-81,6	0,0	0,0
Singapore	16	598	355,9	475,0	0,0	0,0
Băngladet	13	88	-35,6	-27,3	0,0	0,0
Thuỵ Sỹ	5	373	-21,2	-39,0	0,0	0,0
Canada	5	9	200,0	-73,5	0,0	0,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Thị trường cung cấp viên nén gỗ (HS 440131) cho Hàn Quốc 7 tháng năm 2023

Thị trường	7 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng	**2.133.293**	**351.570**	**164,8**	**-5,1**	**-13,4**	**-8,7**	**100,0**	**100,0**
Việt Nam	1.066.481	164.912	154,6	-24,4	-36,1	-15,5	50,0	62,7
Nga	386.066	64.804	167,9	142,3	119,9	-9,2	18,1	7,1
Indonesia	269.321	46.586	173,0	40,3	53,4	9,3	12,6	8,5

Thị trường	7 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Canada	155.184	30.035	193,5	-15,5	-20,3	-5,6	7,3	8,2
Malaysia	150.138	24.783	165,1	-41,5	-41,4	0,2	7,0	11,4
Thái Lan	97.565	18.350	188,1	141,0	172,9	13,3	4,6	1,8
New Zealand	5.683	1.569	276,1	33,4	76,7	32,4	0,3	0,2
Nhật Bản	1.408	149	105,8	5,6	2,1	-3,3	0,1	0,1

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt kim ngạch cao trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	7 tháng năm 2023 (Nghìn USD)
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	891	20.916
CTY CỔ PHẦN SMART WOOD VIỆT NAM	3.485	16.888
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀO HƯNG QUẢNG NGÃI	3.160	15.395
CTY CỔ PHẦN EASTWOOD ENERGY	3.644	14.320
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÙNG	1.699	12.854
CTY TNHH THANH THÀNH ĐẠT	0	12.280
CTY TNHH NĂNG LƯỢNG SINH HỌC TÍN NHÂN	0	10.727
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN ĐẠI DƯƠNG	0	10.169
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NĂNG LƯỢNG XANH TOÀN CẦU	1.186	9.176
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	1.356	8.124
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MI SA VIỆT HÀN	0	6.917
CTY TNHH NĂNG LƯỢNG AT	1.108	6.575
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LONG ĐẠT	1.107	6.544
CTY TNHH SEIL M - TECH VINA	935	6.150
CHI NHÁNH THANH HÓA - CTY TNHH LIÊN DOANH NGUYÊN LIỆU GIẤY NGHỆ AN PP	0	6.027
CTY TNHH HANSOL HOMEDECO VIỆT NAM	1.274	5.964
CTY TNHH ĐẠI KHÔNG GIAN	722	5.657
CTY TNHH GỖ HƯNG VƯỢNG	753	5.484
CTY TNHH THƯƠNG MẠI HAVI	640	5.424
CTY TNHH XUẤT KHẨU UNI	509	5.218
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẠN CHÍNH	523	4.920
CTY TNHH FURSYS VN	683	4.520
CTY CỔ PHẦN SƠN THỦY	579	4.355
CTY TNHH KINH DOANH VÀ XNK TRƯỜNG THỊNH	423	4.208
CTY TNHH MTV LÂM SẢN LẠNG SƠN	854	4.177
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÙNG DŨNG HTH	738	4.109
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LONG HẢI PHÁT	1.150	4.057
CTY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG S.N.C	527	4.017

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ giảm mạnh

Ước tính, trong tháng 8/2023 xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 136 triệu USD, giảm 28,8% so với tháng 8/2022. Trong 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ ước tính đạt 998 triệu USD, giảm 39,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức khi tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, nhiều bất ổn… Các nền kinh tế lớn là đối tác xuất khẩu của Việt Nam như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) giảm chi tiêu mua sắm các sản phẩm không thiết yếu, trong đó có mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ khiến số lượng đơn hàng giảm mạnh. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ giảm mạnh trong 8 tháng đầu năm 2023.

Mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ phụ thuộc lớn vào nhu cầu từ thị trường toàn cầu. Vì vậy, lạm phát tại các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU tiếp tục hạ nhiệt, kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng sẽ dần phục hồi trong dịp cuối năm sẽ hỗ trợ hoạt động xuất khẩu ngành hàng của Việt Nam trong các tháng còn lại của năm 2023.

Tình hình xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam qua các tháng năm 2021 – 2023 *(ĐVT: triệu USD)*

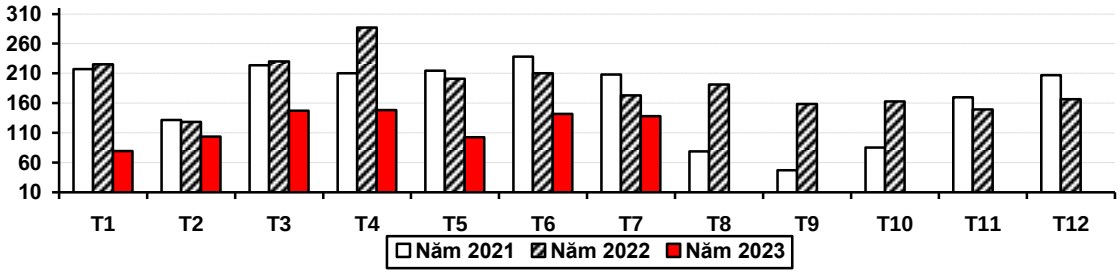

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Số lượng đơn hàng giảm mạnh do nhu cầu yếu từ thị trường toàn cầu, khiến hầu hết các mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu đều có kim ngạch giảm mạnh trong 7 tháng đầu năm 2023. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng giường và bộ phận giường đạt 519,9 triệu USD, giảm 38,2% so với cùng kỳ năm 2022 ; tiếp theo là mặt hàng tủ dùng trong phòng ngủ đạt 198,6 triệu USD, giảm 48,7% ; Tủ đầu giường đạt 71,2 triệu USD, giảm 37,1% ; Bàn đạt 22,9 triệu USD, giảm 36,3%...

Mặt hàng đồ nội phòng ngủ xuất khẩu tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng	**138.473**	**-20,0**	**861.746**	**-40,2**	**100,0**	**100,0**
Giường	78.805	-20,1	519.889	-38,2	60,3	58,3
Tủ	34.496	-27,6	198.605	-48,7	23,0	26,8
Tủ đầu giường	11.677	-9,3	71.190	-37,1	8,3	7,8
Bàn	3.809	-20,3	22.907	-36,3	2,7	2,5
Tủ áo	3.093	97,1	15.222	34,8	1,8	0,8
Bàn trang điểm	3.826	-19,9	22.924	-36,2	2,7	2,5
Nôi	1.307	-54,0	8.002	-51,7	0,9	1,1
Kệ	733	-1,4	4.410	-3,9	0,5	0,3

Mặt hàng	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Móc áo	548	-13,7	2.921	-45,4	0,3	0,4
Sập	94	-17,3	646	11,0	0,1	0,0
Rương	181	448,1	546	6,7	0,1	0,0
Gương	35	-79,5	303	-82,2	0,0	0,1
Ghế	17	-69,4	224	-62,6	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thông tin tích cực từ những thị trường xuất khẩu chính của mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ sẽ góp phần thúc đẩy ngành hàng này khả quan hơn trong những tháng cuối năm 2023. Theo thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại San Francisco (Mỹ), một lượng lớn hàng tồn kho được giải phóng, việc làm được cải thiện, sức mua tại Mỹ sẽ dần phục hồi, nhất là phục vụ cho mua sắm dịp cuối năm 2023, dẫn đến dự báo nhập khẩu vào thị trường Mỹ sẽ phục hồi nhẹ vào quý 4/2023.

Trong khi đó, xuất khẩu thị trường Trung Quốc kỳ vọng có thể tăng nhẹ nhờ các biện pháp kích thích nền kinh tế, kích cầu tiêu dùng. Theo đó, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa sẽ có xu hướng tăng.

Tại thị trường EU, Đức là thị trường nhập khẩu chính mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ, theo Đại diện Thương vụ Việt Nam tại thị trường Đức, cơ hội đưa hàng Việt Nam vào Đức vẫn cao. Người tiêu dùng Đức sẵn sàng sử dụng sản phẩm chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh từ các quốc gia đang phát triển. Đáng chú ý, Việt Nam là một trong số ít những nước trong châu Á có Hiệp định thương mại tự do với châu Âu, nên hàng hóa Việt Nam có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn từ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Ngoài ra, Đức đang tách dần sự phụ thuộc hàng hóa vào Trung Quốc và đang tìm kiếm các nhà cung cấp từ Việt Nam nhiều hơn.

Thị trường xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng	**138.473**	**-20,0**	**861.746**	**-40,2**	**100,0**	**100,0**
Mỹ	111.296	-21,0	684.840	-41,7	79,5	81,4
Nhật Bản	5.720	-19,2	46.837	-19,4	5,4	4,0
Canada	4.235	-13,5	27.429	-31,5	3,2	2,8
EU	3.362	2,6	20.112	-36,3	2,3	2,2
Pháp	1.069	34,4	6.655	-17,9	0,8	0,6
Hà Lan	612	-27,8	5.128	-24,7	0,6	0,5
Ai Len	710	89,8	3.403	-20,5	0,4	0,3
Tây Ban Nha	198	35,3	1.721	-44,4	0,2	0,2
Bỉ	319	-56,0	1.285	-66,7	0,1	0,3
Đức	212	49,5	944	-64,7	0,1	0,2
Thuỵ Điển	28	-85,8	278	-67,8	0,0	0,1
Anh	2.905	-2,6	19.914	-32,7	2,3	2,1
Hàn Quốc	2.009	-13,5	15.741	-34,6	1,8	1,7
Australia	2.602	-28,1	13.218	-45,2	1,5	1,7

Thị trường	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Trung Quốc	757	-10,5	4.123	-23,0	0,5	0,4
Đài Loan	560	-28,8	3.070	-36,3	0,4	0,3
New Zealand	471	51,0	2.305	-35,7	0,3	0,2
Mexico	452	55,8	2.071	-43,6	0,2	0,3
Puerto Rico	361	-42,4	1.908	-53,5	0,2	0,3
Ả Rập Xê út	186	-74,5	1.505	-67,1	0,2	0,3
Các TVQ Ả rập thống nhất	261	-74,0	1.480	-73,1	0,2	0,4
Singapore	324	42,7	1.359	65,3	0,2	0,1
Chilê	283	232,6	1.195	-25,6	0,1	0,1
Ixraen	84	-68,8	1.083	8,7	0,1	0,1
Malaysia	60	-55,0	939	-9,2	0,1	0,1
Jamaica	51	-37,3	544	8,9	0,1	0,0
Nam Phi	79	-80,5	449	-73,9	0,1	0,1
Trinidad & Tobago	185	219,2	298	-7,9	0,0	0,0
Kô-eot	14	-43,6	198	-27,1	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023, đạt 371,7 triệu USD, tăng 15,3% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 217,8 triệu USD, tăng 18,1% so với tuần trước.

Mặt hàng đò nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 175,5 triệu USD, tăng 19,7% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 10,2 triệu USD, tăng 6,8%; Anh đạt 4,6 triệu USD, tăng 23,1%; Canada đạt 4,1 triệu USD, giảm 12,5%; Hàn Quốc đạt 4 triệu USD, tăng 16,3%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần *(Giá: FOB)*

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Bàn ăn gỗ tràm, nhãn hiệu SEAS-DT (1800x900x760)mm	Cái	12	354,0	Cát Lái
	Kệ sách lgỗ tràm, nhãn hiệu SEAS-BC (1085x330x1800)mm	Cái	12	227,0	Cát Lái
	Giường tầng TW BB-T461252(1110*2120*1760)mm, gỗ linh sam, ván MDF, ván ép.	Cái	20	225,0	Cát Lái
	Tủ bát đĩa làm gỗ tràm, nhãn hiệu SEAS-SB (1600x430x800)mm	Cái	12	224,0	Cát Lái
	Ghế gỗ tần bì (gỗ ASH) , 1800x 450x450 mm, item no.: #BN-420	Cái	7	220,0	Cát Lái
Đảo Mariana Bắc	Bàn CLASSIC TABLE (4000 x 950 x 740)mm, gỗ cao su	Cái	1	600,0	Vict
	Ghế RESTAURANT CHAIR 4 (OUTDOOR) (405x450x895)mm, gỗ sồi	Cái	10	190,0	Vict
Đan Mạch	Bàn DT MDF kết hợp gỗ Oak 2000*900*730 mm	Cái	15	413,8	Cái Mép
	Tủ ITALIC được làm MDF và gỗ OAK 1350*480*730 mm	Cái	35	247,1	Cái Mép
	Ghế sofa gỗ thông bọc vải corner open end 2472 198*268*84cm	Bộ	1	528,4	Cát Lái

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đức	Bàn ăn gỗ sồi, chân sắt tấm (Gỗ sồi) (D.100 x W.240 x H.76cm)	Cái	30	332,0	Cái Mép
	Tủ gỗ sồi, chân sắt (Gỗ sồi nhập khẩu) (D.45 x W.200 x H.80cm)	Cái	24	237,0	Cái Mép
	Giường gỗ sồi (Gỗ sồi nhập khẩu) (D.217 x W.205 x H.109cm)	Cái	30	217,0	Cái Mép
	Ghế tựa góc bộ sofa Valencia nhãn hiệu GARPA, quy cách: (830x830x760)mm gỗ giá tỵ	Cái	74	351,2	Bà Rịa
ả Rập Xê út	Ghế sofa khung gỗ thông, ván ép, nệm, chân, bọc vải quy cách 91*38*35 (inch).	Cái	7	276,3	Cát Lái
	Giường gỗ sồi NOVA-KB05drw/PA(1820 x 2020) , QCSP: (2135 x 1970 x 1422)mm	Cái	8	255,2	Cont Spitc
	Tủ gỗ sồi LEO-DR6/PA , QCSP: (1350 x 420 x 780)mm	Cái	8	171,5	Cont Spitc
	D647-13 #& Bàn tròn D647-13 (1651 x 913)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, ván MDF,ván P.B)	Cái	14	130,1	Cont Spitc
Ai Len	Giường BTD010-60-L,(1910 x 2220 x 1250 mm), đồ gỗ sử dụng trong phòng ngủ gỗ sồi, gỗ thông và ván MDF	Cái	14	310,0	Cái Mép
	Tủ áo lớn/EDTW, gỗ sồi, dương & MDF, KT: 1160x590x1970mm.	Cái	2	295,0	Cái Mép
	Bàn trang điểm BTD010-DTS,(1200 x 450 x 750 mm), đồ gỗ sử dụng trong phòng ngủ gỗ sồi, gỗ thông và ván MDF	Cái	6	212,0	Cái Mép
	Ghế BTD010-BEN,(1220 x 420 x 450 mm), đồ gỗ sử dụng trong phòng ngủ gỗ sồi, gỗ thông và ván MDF	Bộ	14	75,0	Cái Mép
Anh	TTF230537#&Ghế sofa 550012135, 2140X935X820mm, gỗ thông	Cái	2	499,5	Cái Mép
	Kệ gỗ sồi 31292-001 (2000x900x400mm)	Cái	30	178,0	Cái Mép
	Bàn, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(2500/3000x1000x780)mm, đồ gỗ sử dụng trong Phòng bếp gỗ thông, gỗi sồi, MDF	Cái	15	485,5	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi,tần bì AGH-BDLR/V3P Không nhãn hiệu QCSP:(1700 x 1300 x 900)mm	Cái	15	520,0	Cái Mép
	Giường (mã hàng 016-00824) QC (2326x1880x1200)mm gỗ sồi, gỗ thông, ván MDF, đầu giường bọc vải	Cái	50	301,6	T.Hợp Bình Dương
Antigua and Barbuda	Bàn trang điểm gỗ thông và ván MDF (1470x403x819mm) Item: 52670-DR.	Cái	22	72,3	Cát Lái
	Giường đơn gỗ thông và ván MDF(2184x1429x1219mm.Item: 52670F-H+F/52670F-R+S.	Bộ	11	99,7	Cát Lái
Australia	Ghế (2755 *2755 *850)mm ván ép, gỗ dẻ gai	Cái	2	5.196,1	Cát Lái
	Bàn Ăn (2920* 2920* 740)mm ván ép, gỗ sồi trắng	Cái	1	5.109,7	Cát Lái
	Tủ (1727 *457* 678)mm, gỗ cao su, gỗ sồi trắng	Cái	1	564,1	Cát Lái
	Giường NOOSA King MDF kết hợp gỗ Oak, dán veneer quy cách 2010*2367*1100 mm	Cái	10	400,0	Vict
Bahama	Giường gỗ dán, dương, sồi, dẻ gai, keo, ván lạng, MDF, vải (2115x1601x1180mm)	Cái	8	1.215,6	Cát Lái
	Tủ gỗ dẻ gai, sồi, dương, ván lạng, MDF, kính (1372x610x922mm)	Cái	5	1.034,0	Cát Lái
	Bàn (gỗ sồi, poplar, beech) 10177738LTOKTR - (1825x1825x762)mm	Cái	4	871,0	Cát Lái
	Ghế sofa ghế góc, bọc da bò, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, phi chức năng (45.5*45.5*42)"	Cái	11	140,0	Cái Mép
Belize	Tủ gỗ Dương, MDF, Veneer gỗ Hồ đào...Quy cách: 68" *19" *38.25".	Cái	5	434,4	Tân Cảng
	Bàn gỗ Cao su, Plywood...Quy cách: 118" *42" *30".	Cái	3	434,3	Tân Cảng
	Ghế gỗ Cao su, gỗ Dương, gỗ Dẻ gai, Plywood...đã bọc vải, nhồi nệm. Quy cách: 23.5*23.5*35".	Cái	12	139,2	Tân Cảng
Bỉ	Tủ RH770903.PIT.05 gỗ Lime (gỗ đoạn),Plywood ,veneer Kích thước: 2032x457x762 (mm)	Cái	8	1.646,0	Cát Lái
	Bàn RH837384.WLB.01 gỗ Lime (gỗ đoạn),Plywood ,veneer, Kích thước: 4267x1168x749 (mm)	Cái	4	1.420,0	Cát Lái

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Kệ để trên sàn (gỗ poplar, beech) 10117277BKOK. -(1321x508x2310)mm	Cái	1	826,8	Cát Lái
	Giường đơn SINGLE SUN LOUNGE gỗ Teak (1965 x 910 x 223 mm	Cái	1	685,2	Cát Lái
	Ghế đã nhồi nệm(3039421-0000-E2MRCT00) gỗ cao su xẻ,ván ép(775*809*740mm)	Cái	2	439,0	Cát Lái
Các TVQ ả Rập thống nhất	Tủ làm gỗ Dương, gỗ Cao su, MDF...Quy cách: 80*18*33.75"	Cái	1	533,8	Cont Spitc
	Giường gỗ sồi NOVA-KB05drw/PA(1820 x 2020) , QCSP: (2135 x 1970 x 1422)mm	Cái	15	255,2	Cont Spitc
	Ghế được gỗ cao su, plywood, mdf, khung chân kim loại (1219.2 x 1109 x 914.4) mm / TDF-D-010	Cái	25	180,3	Cont Spitc
	BànN (1660x850x750) mm, gỗ sồi , mdf, veneer, dùng trong phòng khách	Cái	6	512,0	Cái Mép
Canada	Ghế sofa 2 chỗ, bọc vải, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động MH-6C-FRA-L2HC-E(89*39*39)"	Cái	4	437,8	Cát Lái
	Giường (2015*2103*1139)mm (gỗ Beech xẻ, ván MDF, ván lạng gỗ óc chó)	Cái	1	705,0	KV. TPHCM
	Bàn code ATC-DSK-004, QC: (66.9 x 27.6 x 29.9) inch gỗ sồi + gỗ cao su + MDF.	Cái	1	659,1	KV. TPHCM
	Tủ code: HDS24 , QC: (39.9 x 15.7 x 46.3) inch gỗ sồi +MDF veneer	Cái	1	508,5	KV. TPHCM
Chilê	Bàn dùng trong phòng khách, Item: LT-6887(521*1372*763)mm,gỗ linh sam,ván PW, ván MDF	Cái	5	103,0	Cái Mép
	Giường, Item: LN-1996(1040*1954*282)mm,gỗ linh sam từ TKKD,ván PW, ván MDF	Cái	11	73,0	Cái Mép
	Tủ KBC039AZCARR gỗ thông và ván ép, kích thước: 1220x560x895mm.	Cái	4	345,0	Cái Mép
Cook Islands	Tủ 5759-40, nhãn hiệu 5759-40 (54"x18"x31"H)mm gỗ cao su	Cái	3	168,3	Cái Mép
	Bàn ăn 5761GY-78 (78"x42"x30"H), nhãn hiệu 5761GY-78, dùng trong nhà bếp gỗ tràm	Cái	13	118,8	Cái Mép
ấn Độ	Tủ T411-40 gỗ cao su, ván MDF (866*408*912) mm. Dùng trong nhà bếp. Gỗ cao su, ván MDF	Cái	12	76,7	Cát Lái
	Ghế sofa 2 chỗ 2 tay vịn, bọc da bò, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (65*40*40)"	Bộ	23	314,0	Cát Lái
Hà Lan	Bàn ăn, gỗ sồi, 180*90*76 (Dining Table).	Cái	3	335,0	Phước Long
	Tủ 3 cánh, gỗ sồi, 160*45*78	Cái	3	279,0	Phước Long
Hàn Quốc	Ghế sofa Pensive 240 solid oak frame - Fixed - Range L2 gỗ sồi (W2400xD880xH780)	Cái	1	760,0	Cát Lái
	Bàn DT-188 (6) gỗ óc chó nhập khẩu, size: 1800*850*750 mm.	Cái	30	298,0	Cát Lái
	Ghế Baker no-arm - Fixed - Range S-L1 gỗ thông (W920xD1020xH700)	Cái	3	260,0	Cát Lái
	Giường CFQ-SM01G (2230 x1620x1025)mm, tấm xơ ép, gỗ tràm, gỗ cao su	Bộ	80	260,2	Cát Lái
	Tủ MF-CNT-2200 (2200x700x1100)mm,ván MDF, gỗ tràm, giấy phủ	Cái	1	515,0	Cont Spitc
Jamaica	Tủ trang điểm MDF, gỗ thông, ván ép, đá hoa cương - F2287-D - quy cách 1727*559*1130mm	Bộ	2	279,0	Cát Lái
	Ghế MDF, PU, gỗ thông, da - D1900-SC - 1168*597*375mm	Bộ	36	219,0	Cát Lái
	Ghế có tay vịn làm PU, gỗ thông - CM3147AC-2PK - quy cách 1244*609*457mm	Bộ	8	83,0	Cát Lái
Kenya	Tủ phục vụ 5477N-40 NEW, nhãn hiệu 5477N-40 NEW (1445*451*898)mm gỗ cao su	Cái	3	178,4	Cát Lái
	Bàn ăn 5546-84 (2032x1066.8x762)mm, nhãn hiệu 5546-84 gỗ cao su	Cái	15	147,0	Cát Lái
Mexico	Tủ trang điểm gỗ tràm, nhãn hiệu LIVE-DS (1550x450x800)mm	Cái	7	260,4	Cát Lái
	Giường gỗ tràm, nhãn hiệu LIVE-KB (2070x2020x1300)mm -	Cái	5	248,7	Cát Lái

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn trang điểm VTM104-F975 (1295x521x1600)mm, đã sơn (gỗ thông, gỗ dương,ván ép,ván MDF)	Bộ	92	230,2	Gemalink
Mỹ	Tủ phòng ngủ CSG-3316 gỗ cao su, gỗ hồng đàn, ván ép, MDF, mặt tủ đá thạch anh nhân tạo (2629 x 1270 x 864)mm	Cái	1	5.387,3	Cái Mép
	SP23-156#&Bàn PS-F-37 (144*24*36") gỗ birch	Cái	1	2.680,0	Cái Mép
	Ghế dài gỗ tần bì, gỗ tràm, ván MDF, ván ép, có mê ngồi bọc nệm (4959*584*572) mm	Cái	2	1.459,2	Cát Lái
	Kệ tivi kèm bàn Gỗ vân sam, gỗ đoạn, gỗ dán, gỗ MDF, KT:2896x559x2439 mm	Bộ	1	1.832,0	Lạch Huyện
	Giường MDF, veneer gỗ dương, kích thước 203*217*259 cm	Cái	1	1.380,0	Tân Cảng
Nam Phi	ghế sofa gỗ thông bọc vải 3-seater 2249 90*217*76cm	Cái	10	244,4	Cát Lái
	Tủ TV unit khung sắt và gỗ tràm ,nhãn hiệu FCVN22 (470*2200*680)mm	Cái	20	173,6	Cát Lái
	Bàn coffee table khung sắt và gỗ tràm ,nhãn hiệu FCVN22(700*1300*450)mm	Cái	20	121,6	Cát Lái
New Zealand	Ghế Sofa CRZ 192 (2330x1050x705)mm Gỗ tần bì, da bò thuộc bọc nệm	Cái	4	523,3	Vict
	Bàn ăn gỗ sao đen Nam Mỹ dầu màu 240X95X75CM,	Cái	25	313,0	Vict
	Kệ Scala mã hàng 02022066 gỗ sồi, MDF veneer, màu tự nhiên, 670x400x2000mm,	Cái	20	206,5	Vict
	Giường AVA-QB - Gỗ tràm 2270*1610*1200mm	Bộ	28	214,0	Vict
Nhật Bản	Bàn dining Horse 200 gỗ xà cừ. Kích thước: 2000*900*700mm	Cái	1	538,0	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi và gỗ tần bì, kích thước 1500*408*750mm	Cái	20	451,0	Cát Lái
	Ghế Sofa gỗ oak ghép, ván mdf, có sơn phủ. ALVESTA SOFA 2ND (IV) (1575 x 825 x 730) mm	Cái	36	295,7	Cát Lái
	Giường 2 tầng có hộc kéo và cầu thang đi kèm LN-1950 (1040*2170*1500)mm,gỗ linh sam được	Bộ	15	220,0	Cát Lái
Oman	Bàn gỗ sồi, ván mdf 2440x1020x770mm	Cái	10	292,5	Cát Lái
	Giường gỗ sồi NOVA-KB05drw/PA(1820 x 2020) , QCSP: (2135 x 1970 x 1422)mm	Cái	8	255,2	Cát Lái
	Tủ làm gỗ sồi, ván mdf 1670x508x840mm (STAFFORD DRESSER /STF-CHSDRSNAR)	Cái	30	254,5	Cát Lái
Pháp	Kệ sách gỗ sồi (1264 x 414 x 1439)mm	Cái	30	295,6	Cát Lái
	Tủ A391 -gỗ thông, MDF, có khóa tủ Qama đi kèm, (204x51x225)cm	Cái	6	1.144,4	Gemalink
	Giường A326 -gỗ tần bì, gỗ thông, MDF & ván ép, (188.5x215.5x100)cm	Cái	6	584,8	Gemalink
	Bàn A094 -gỗ thông & ván MDF, kích thước (178x138x78)	Cái	2	566,7	Gemalink
	Ghế FC99/C995 -ván MDF & gỗ thông, có bọc đệm ở mặt ghế và tựa lưng kích thước (52.5x50x97.5)cm	Bộ	2	295,1	Gemalink
Puerto Rico	Tủ gỗ dương, gỗ cao su, gỗ tràm, ván MDF, ván ép (1015*456*1730) mm	Cái	10	239,5	Cát Lái
	Bàn trang điểm, item BDPAT2DR (gỗ cao su, ván ép plywood, ván MDF) size 1727*456*924mm	Cái	23	199,1	Cát Lái
	Kệ gỗ dương, gỗ cao su, gỗ tràm, ván MDF, ván ép (710*406*1930) mm	Cái	41	167,4	Cát Lái
	Ghế sofa 3 chỗ, bọc da bò, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	23	331,3	QT SP-SSA(SSIT)
Singapore	Giường gỗ sồi (180/200/95)cm	Cái	5	877,2	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi (107/37/200)cm	Cái	3	664,8	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (120 /70 /35)cm	Cái	3	358,0	Cát Lái
	Tủ bếp Gỗ vân sam, gỗ dán KT:3348x700x2400 mm	Bộ	1	3.329,0	Đình Vũ
Tây Ban Nha	Giường Taiana Bed Mattress 160x200 NATURAL(L2137 x D1728 x 962H)mm,gỗ sồi	Cái	63	255,0	Cát Lái
	Tủ TAIANA ARKIT Sideboard, Metal Oak (1600x420x675)mm, gỗ sồi	Cái	48	237,0	Cát Lái

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Kệ trang trí - VIANCA SHELVES 143 1430(W) x 440(D) x 1960(H), đồ gỗ nội thất gỗ thông, MDF	Cái	20	142,8	Cát Lái
	Bàn, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(1800/2350x1000x780)mm, đồ gỗ sử dụng trong Phòng bếp gỗ sồi, gỗ thông và ván MDF	Cái	2	252,1	QT SP-SSA(SSIT)
Thổ Nhĩ Kỳ	Tủ TRANG ĐIỂM 70050-54 (1810x630x1210mm) đồ nội thất sử dụng trong phòng ngủ, làm Gỗ cao su, ngũ kim	Cái	5	655,0	Cát Lái
	BàN 70203-54 (1500x675x235mm) đồ nội thất sử dụng trong phòng khách, gỗ cao su, ngũ kim	Cái	8	253,0	Cát Lái
	GHế 70004-54 (1295x750x565mm) làm Gỗ caosu, ngũ kim, nhãn hiệu: Michael Amini , mới 100%	Cái	10	190,0	Cát Lái
Thuỵ Điển	Bàn gỗ thông 775mm x 1800(2400)mm x 1000 mm	Cái	10	213,8	Cát Lái
	Tủ WFD006/LSK-ADBX gỗ thông 850mm x 1520mm x 450mm	Cái	11	224,8	Gemalink
Trung Quốc	Ghế có chân sắt, gỗ sồi, 2300X840X727 MM, mã: CHL0025-14-501-08	Cái	5	1.402,2	Cát Lái
	Bàn ăn có chân làm sắt, gỗ sồi, 1800X900X745 MM, mã: TAD0273-29-007-08	Cái	5	693,4	Cát Lái
	Tủ có chân làm sắt, vách tủ gỗ sồi 2200X400X600 MM, mã: CAE0059-07-002-08	Cái	5	677,6	Cát Lái
	Giường Hover 180 - EUR King - Fixed - Range L1 gỗ sồi (W1850xD2190xH1000)	Cái	1	510,0	Cát Lái

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ Hương từ Châu Phi giảm nhẹ

+ Nhập khẩu gỗ hương của Việt Nam từ thị trường châu Phi lớn nhất, chiếm tới 83,2% tổng lượng nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2023, giảm 3,7% về lượng và giảm 7,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 65,5 nghìn m³, trị giá 19,5 triệu USD.

Tình hình nhập khẩu gỗ hương

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ hương của Việt Nam tháng 8/2023 đạt 12,0 nghìn m³, trị giá 4,2 triệu USD, tăng 3,2% về lượng và tăng 2,4% về trị giá so với tháng 7/2023; so với tháng 8/2022 giảm 48,4% về lượng và giảm 56,4% về trị giá.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ hương đạt 90,4 nghìn m³, trị giá 33,6 triệu USD, giảm 17,9% về lượng và giảm 29,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trị giá nhập khẩu gỗ hương của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2022 – 2023 (ĐVT: Triệu USD)

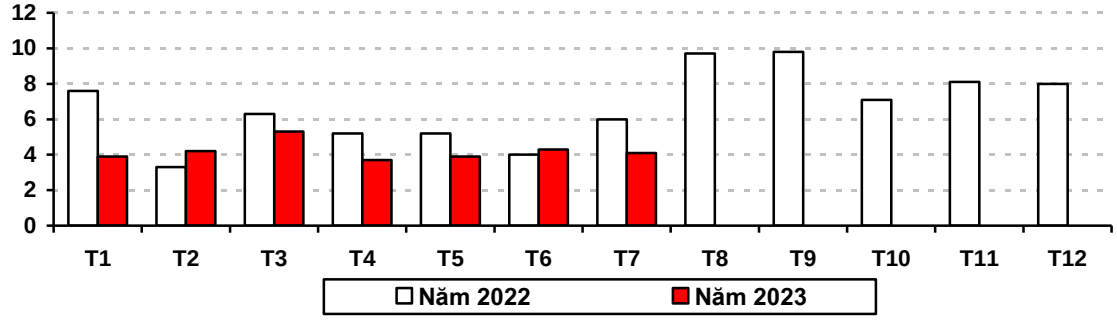

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ hương của Việt Nam tháng 7/2023 đạt 11,6 nghìn m³, trị giá 4,1 triệu USD, giảm 5,0% về lượng và giảm 3,7% về trị giá so với tháng 6/2023; so với tháng 7/2022 giảm 28,5% về lượng và giảm 30,9% về trị giá.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ hương đạt 78,8 nghìn m³, trị giá 29,4 triệu USD, giảm 9,4% về lượng và giảm 21,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 7 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ hương loại xẻ đạt khối lượng 69,6 nghìn m³, trị giá 26,3 triệu USD, tăng 1,8% về lượng nhưng giảm 14,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ hương tròn đạt 9,2 nghìn m³, trị giá 3,1 triệu USD, giảm 50,5% về lượng và giảm 55,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Chủng loại gỗ hương nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	7 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	69.553	26.296	378,1	1,8	-14,2	-15,7
Gỗ tròn	9.209	3.111	337,8	-50,5	-55,1	-9,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về giá nhập khẩu:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, giá nhập khẩu trung bình gỗ hương trong 7 tháng đầu năm 2023 đạt 373,5 USD/m³, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá nhập khẩu gỗ hương từ Châu Phi giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2022, xuống 297,0 USD/m³; từ Thái Lan giảm 15,7%, xuống 466,2 USD/m³; từ Hồng Kông giảm 7,2%, xuống 261,6 USD/m³; từ Trung Quốc giảm 29,6%, xuống 270,8 USD/m³…

+ Về thị trường nhập khẩu:

7 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu gỗ hương từ thị trường châu Phi, Lào, Trung Quốc… giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong khi đó, nhập khẩu từ thị trường Thái Lan, Hồng Kông, Tanzania, Đan Mạch, UAE tăng. Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ hương từ thị trường châu Phi lớn nhất chiếm tới 83,2% tổng lượng nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm nay, đạt 65,5 nghìn m³, trị giá 19,5 triệu USD, giảm 3,7% về lượng và giảm 7,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nhập khẩu từ Nam Phi giảm 22,7%; từ Camêrun giảm 50,6%; từ Cônggô giảm 73,8%... so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Lào giảm 41,8% về lượng và giảm 45,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 7,2 nghìn m³, trị giá 7,8 triệu USD, chiếm 9,1% tổng lượng nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm nay.

Nhập khẩu gỗ hương từ thị trường Trung Quốc giảm 48,9% về lượng và giảm 64,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 245 m³, trị giá 66 nghìn USD.

Ngoài ra, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: từ Papua New Guinea giảm 98,0%; Indonesia giảm 76,9%…

Trái lại, lượng nhập khẩu gỗ hương từ một số thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2022, tuy nhiên trị giá thấp như: từ Thái Lan tăng 127,5%; Hồng Kông tăng 23,0%; Tanzania tăng 410,2%; Đan Mạch tăng 126,5%; UAE tăng 898,7%.

Thị trường cung cấp gỗ hương cho Việt Nam 7 tháng đầu năm 2022

Thị trường	7 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m^3)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m^3)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng	**78.786**	**29.424**	**373,5**	**-9,4**	**-21,7**	**-13,6**	**100,0**	**100,0**
Châu Phi	**65.524**	**19.460**	**297,0**	**-3,7**	**-7,1**	**-3,6**	**83,2**	**78,3**
Ăngôla	26.996	7.556	279,9	59,4	70,9	7,3	34,3	19,5
Nam Phi	19.275	5.465	283,5	-22,7	-21,7	1,3	24,5	28,7
Nambia	8.710	2.621	300,9	49,2	67,6	12,3	11,1	6,7
Camêrun	4.847	1.785	368,4	-50,6	-56,7	-12,4	6,2	11,3
E. Guinea	1.856	443	238,4	11,2	3,2	-7,1	2,4	1,9
Cônggô	1.478	704	476,6	-73,8	-71,1	10,2	0,9	3,2
Gabông	1.032	544	527,3	-52,5	-22,0	64,2	1,3	2,5
Môdambic	488	129	263,4	2.341,5	2.043,8	-12,2	0,6	0,0
Dambia	485	123	254,3	311,1	314,7	0,9	0,6	0,1
Xâysen	132	34	260,0				0,2	0,0
Tuynidi	104	20	195,5				0,1	0,0
Nigiêria	80	22	275,0	-88,2	-90,0	-14,9	0,1	0,8
Gana	20	6	300,0	-90,3	-85,8	46,5	0,0	0,2
Uganda	20	6	300,0				0,0	0,0
Lào	7.162	7.752	1082,4	-41,8	-45,6	-6,5	9,1	14,2
Thái Lan	2.803	1.307	466,2	127,5	91,9	-15,7	3,6	1,4
Hồng Kông	2.166	567	261,6	23,0	14,2	-7,2	2,7	2,0
Tanzania	612	179	292,1	410,2	419,0	1,7	0,8	0,1
Trung Quốc	245	66	270,8	-48,9	-64,0	-29,6	0,3	0,6
Đảo B. Virgin	88	20	227,3				0,1	0,0
Đan Mạch	69	36	525,5	126,5	166,2	17,5	0,1	0,0
Marshall Islands	60	12	200,0				0,1	0,0
PN.Guinea	31	10	330,0	-98,0	-98,0	-0,3	0,0	1,7
UAE	15	7	422,7	898,7	731,7	-16,7	0,0	0,0
Indonesia	6	3	599,6	-76,9	-81,1	-18,2	0,0	0,0
Reunion	4	5	1100,0				0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023

Trong tuần từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 44,2 triệu USD, tăng 16,0% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Trung Quốc tăng 30,0%; Cameroon tăng 30,7%; Thái Lan tăng 66,2%; Lào tăng 13,7%; Chilê tăng 1,9%; Pháp tăng 89,4%... so với tuần trước.

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác giảm so với tuần trước như: từ Mỹ giảm 15,4%; Bỉ giảm 40,4%; Nga giảm 30,8%; Indonesia giảm 8,8%; UruGuay giảm 32,9%; Hà Lan giảm 38,7%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023 *(ĐVT: nghìn USD)*

Thị trường	Tuần từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023	So với tuần trước (%)
Tổng	44.202	16,0
Trung Quốc	19.258	30,0
Mỹ	4.265	-15,4
Cameroon	2.567	30,7
Thái Lan	2.217	66,2
Lào	1.448	13,7
Chilê	1.348	1,9
Pháp	1.196	89,4
Malaysia	1.032	25,3
Bỉ	991	-40,4
Đức	982	33,1
Braxin	943	132,5
Nga	933	-30,8
Indonesia	764	-8,8
New Zealand	633	6,1
Hồng Kông	578	469,9
UruGuay	507	-32,9
Australia	338	127,7
Hà Lan	287	-38,7
Gabông	260	-18,3
Canada	259	-25,3
Phần Lan	238	4,5
Đài Loan	220	401,8
Italia	215	760,0
Campuchia	202	-17,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 22/8/2023 đến 29/8/2023

Chủng loại	Lượng (m^3)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ óc chó đk: 22.86-53.34 cm, dài: 1.83-4.88 m	16	350,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó tròn, đk từ 25cm - 36cm, dài từ 1.8m - 3.7m	6	399,7	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ óc chó xẻ dày: 25.4mm, dài: 1.52-3.05m, rộng: 0.076-0.38m	37	849,9	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ (310-1460) mm *38mm* 19mm	35	950,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ sấy dài: 1500-3000mm, rộng: 181.312-247.190mm, dày: 22mm	90	474,1	Látvia	Quy Nhơn	CIF
Gỗ cao su xẻ - 44 x 44 x 600 mm	2	392,2	Indonesia	Cát Lái	CFR
Gỗ chiêu liêu xẻ dày trên 6mm	110	450,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ chò nâu xẻ dày trên 6mm	16	280,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ dương xẻ sấy (dày: 31.75 mm, rộng: 16.76-21.33 cm, dài 1.83-4.88m)	38	225,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai (22 x100-500x1800-3100) mm	56	646,9	Rumani	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai (22 x100-500x2200-7100) mm	60	595,9	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai đk: 40cm, dài 3-11.5m	115	233,8	Hà Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (26mm*253-322mm*2.5-3m)	33	347,9	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (38mm*240-273mm*2.5-3.1m)	28	467,5	Croatia	Cát Lái	CIF

Chủng loại	Lượng (m^3)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ dẻ gai xẻ dày: 32 mm, dài từ 1.0-2.0 m	29	404,0	Croatia	Cát Lái	CFR
Gỗ gõ đã xẻ, dài: 230-350 cm, rộng 35-50 cm, cao 30-45 cm	93	140,0	Ăngôla	Đình Vũ	CIF
Gỗ gõ dài: 230cm, rộng: 38cm, dày: 37cm	75	240,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ gõ rộng từ 30-55 cm, dày 30-50cm, dài 230-263 cm	36	272,6	Gana	Đình Vũ	FOB
Gỗ gõ xẻ kt: (2 x 8 x 50) cm	200	320,0	Camêrun	Cát Lái	FOB
Gỗ hương đá dài 115-120 cm, rộng 11-14cm, cao 11-14cm	20	150,0	Nam Phi	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương đá xẻ, dày (16 - 25) cm, rộng (30 - 60) cm, dài (220 - 290) cm	160	250,0	Ăngôla	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương D (38-84) cm x L (160-210) cm	23	380,1	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ hồ đào xẻ (4/4 dày x 7-14 feet dài x 3-18 rộng)	27	430,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ hồng tùng xẻ dày trên 6 mm	6	280,0	Lào	Quảng Nam	DAP
Gỗ keo lá tràm tròn, đk từ 7 cm - 18 cm; dài từ 70 cm - 90 cm	154	30,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ lim dầy: từ 25-70 cm, rộng: từ 30-76 cm, dài: từ 230-290 cm	20	300,0	Kenya	Hải Phòng	CFR
Gỗ lim rộng từ 30-80 cm, dày 15-62 cm, dài 235-278 cm	20	187,5	Nigiêria	Đình Vũ	FOB
Gỗ lim xanh dầy: 34-59 cm, rộng: 36-67cm, dài: 320-850cm	16	250,0	Campuchia	Cảng Xanh	C&F
Gỗ lim xẻ thô, dài: 220cm, rộng: 29-60M, dày: 29-57cm	37	270,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 1.8M, rộng: 8cm, dày: 4cm	195	300,0	Gabông	Hải Phòng	C&F
Gỗ lim, dày từ (15-67) cm, rộng từ (40-74) cm, dài từ (2.4-2.8) m	25	195,0	Nigiêria	Hải Phòng	FOB
Gỗ mít xẻ. (2.2-45 x 10.5-60 x 160-530) cm	20	150,0	Indonesia	Hải Phòng	CFR
Gỗ sồi đỏ tròn - đk: 33cm, dài: 2.4m	137	250,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ sấy 50mm x10cm, dài 2.0m	26	590,0	Ba Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng tròn- dài 2.4m up, đk 27 cm	38	265,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ sấy (dài: 5-12 feet, rộng: 2-20inch, dày: 4/4-15/16)	12	203,4	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ sấy, dày 26mm, rộng 7.6-40cm, dài 1.2-4.8m	81	279,5	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ sồi xẻ dày: 26 mm, dài từ 1.8 m	27	527,9	Croatia	Cát Lái	CFR
Gỗ sến đk từ 92 - 137 cm, dài từ 6.1 - 12.5 m	286	455,1	Camêrun	Hải Phòng	CIF
Gỗ sung dâu tròn đk từ 79cm - 89cm, dài 2.7m - 3m	3	199,9	Mỹ	Đình Vũ	CIF
Gỗ tần bì đk từ 30-39cm, dài từ 2.8m	60	228,3	Ba Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì trắng tròn đk từ 41cm - 69cm, dài từ 2.4m - 6.1m	5	250,0	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (30-71) cm, đài (110-1450) cm	273	199,5	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (28-55cm, dài (4-11.4) m	97	200,0	Đức	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (30-68cm, dài (3-10.7) m	106	200,0	Anh	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì tròn đk: 23-29 cm, dài 4.1-11.5m	34	195,7	Hà Lan	Vũng Tàu	CIF
Gỗ tần bì tròn, dài từ 3m, đk từ 30cm	83	199,3	Pháp	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì xẻ dày 32 mm, dài 2m, rộng 7cm	3	412,6	Croatia	Hải Phòng	CFR
Gỗ thông xẻ (25 * 200 * 3500-4000) mm	192	235,0	Urugoay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 15mm x 100; 140mm x 1.8m	255	123,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 44.50.63.75mm X 100mm UP	291	205,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ dày 41 mm. rộng từ 145 mm. dài từ 3980 mm	6	171,0	Slovenia	Hải Phòng	CFR
Gỗ thông xẻ sấy (16X150X4000) mm	30	205,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy (25-50X100-323X2500-4600) mm	26	180,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 15mm x rộng 100mm x dài 1800mm	151	165,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 45mm, dài: (1.8-2.1) m	14	200,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thiết sam xẻ sấy dày 47 mm, rộng 80 mm, dài 2.74 m	11	199,9	Canada	Hải Phòng	CIF
Gỗ thích mềm xẻ sấy (dài: 5-12 feet, rộng: 2-20inch, dày: 4/4-15/16)	19	203,4	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ (dày: 50.8mm, mặt rộng: 7.5cm-40cm, dài: 1.83m-3.355m	29	639,9	Mỹ	Cát Lái	CIF

Chủng loại	Lượng (m^3)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ tròn bạch đàn fsc 100% đk 30cm, dài 5.6m	155	150,0	Đài Loan	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk trung bình từ 30cm; dài 5,7 m	304	158,0	Urugoay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ vân sam xẻ dày từ 14 mm, rộng từ 100 mm, dài từ 3750 mm	48	171,0	Slovenia	Hải Phòng	CFR
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 2M, rộng: 72cm, dày: 26cm	32	230,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Tấm ván ép công nghiệp MDF (1.220x2.440x17) mm+-5%	50	112,0	Trung Quốc	Lạng Sơn	DAF
Ván dăm - 14 x 1220 x2440mm	365	110,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván dăm PB size 25mm x 1830mm x 2440mm	72	118,0	Malaysia	Cát Lái	CFR
Ván ép Plywood (1220*2440*12mm)	54	295,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván MDF - (6x1830x2440) mm	32	228,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván MDF - 2440mm*1220mm*12mm	77	172,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Dự báo xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ tiếp tục gặp nhiều khó khăn

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 7/2023 đạt 8,87 triệu USD, giảm 5,6% so với tháng 6/2023 và giảm 32,4% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam đạt 79,43 triệu USD, giảm 46,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Ước tính, xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 8/2023 đạt 9,5 triệu USD, tăng 7,1% so với tháng 7/2023, nhưng giảm 34,0% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 88,926 triệu USD, giảm 45,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Mỹ và EU đã có dấu hiệu phục hồi trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các thị trường như Ấn Độ, Mexico, Thái Lan… Dự báo, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong những tháng tới tiếp tục gặp nhiều khó khăn và giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Từ nay đến cuối năm 2023, ngoài các thị trường xuất khẩu truyền thống, doanh nghiệp cũng nên tập trung khai thác thị trường khác như Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mexico, Chilê…

Tình hình xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ qua các tháng *(triệu USD)*

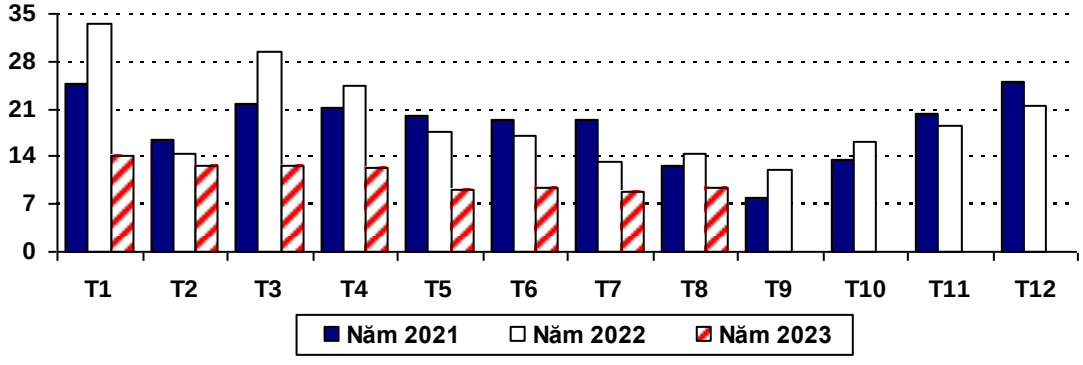

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và ước tính tháng 8/2023

Mặt hàng xuất khẩu chính

- Tháng 7/2023, xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 4,03 triệu USD, giảm 13,9% so với tháng 6/2023 và giảm 43,9% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu chậu gốm sứ chiếm 60,8% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam, đạt 48,30 triệu USD, giảm 53,8% so với cùng kỳ năm 2022.

- Xuất khẩu gốm sứ trang trí trong tháng 7/2023 đạt 2,95 triệu USD, giảm 5,2% so với tháng 6/2023 và giảm 36,5% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gốm sứ trang trí đạt chiếm 26,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của cả nước, đạt 21,03 triệu USD, giảm 39,3% so với cùng kỳ năm 2022

- Xuất khẩu gốm sứ gia dụng trong tháng 7/2023 đạt 1,54 triệu USD, tăng 31,8% so với tháng 6/2023 và tăng 65,5% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gốm sứ gia dụng chiếm 9,5% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ của cả nước, đạt 7,53 triệu USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2023

(% tính theo kim ngạch)

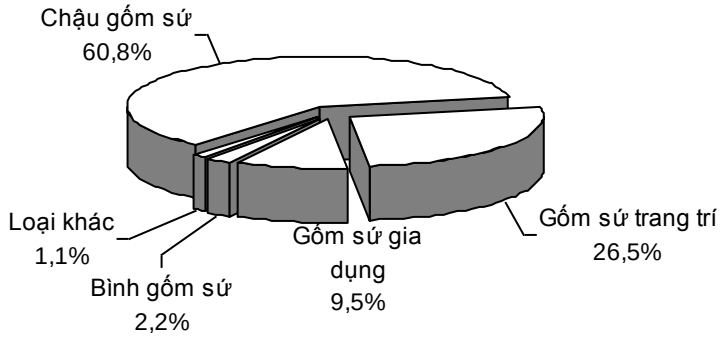

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

- *Thị trường EU:* Tháng 7/2023, xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường EU đạt 3,12 triệu USD, giảm 14,6% so với tháng 6/2023 và giảm 38,1% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU chiếm 33,9% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 26,95 triệu USD, giảm 46,4% so với cùng kỳ năm 2022.

7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu các chủng loại gốm sứ mỹ nghệ sang EU đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022: chậu gốm sứ đạt 12,95 triệu USD, giảm 30,1%; gốm sứ trang trí đạt 11,94 triệu USD, giảm 59,0%; gốm sứ gia dụng đạt 1,73 triệu USD, giảm 14,6%...

Theo thống kê của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ (HS 6911, 6912, 6913, 6914) của EU trong tháng 5/2023 đạt 282,24 triệu EUR, tăng 12,1% so với tháng 4/2023, nhưng giảm 20,0% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của EU đạt 1,46 tỷ EUR, giảm 18,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của EU từ Việt Nam trong tháng 5/2023 đạt 5,61 triệu EUR, tăng 0,6% so với tháng 4/2023, nhưng giảm 63,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ từ Việt Nam đạt 35,58 triệu EUR, giảm 43,1% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 2,44 tỷ trọng – giảm so với mức 3,48% của cùng kỳ năm 2022.

Trong số các thị trường tại EU, thị phần gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam tại Đan Mạch là lớn nhất, khi chiếm 8,2% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng của nước này trong 5 tháng đầu năm 2023, tăng so với mức 7,6% của cùng kỳ năm 2022; Tiếp đến là các thị trường Italia chiếm 3,9%, Thụy Điển chiếm 3,9%, Ai Len chiếm 3,6%...

- *Thị trường Mỹ:* Xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Mỹ trong tháng 7/2023 đạt 1,94 triệu USD, giảm 8,9% so với tháng 6/2023 và giảm 59,6% so với tháng 6/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ chiếm 31,4% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 24,97 triệu USD,giảm 55,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Chậu gốm sứ chiếm tới 70,7% tổng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ trong 7 tháng đầu năm 2023, đạt 17,65 triệu USD, giảm 58,3% so với cùng kỳ năm 2022; xuất khẩu gốm sứ trang trí chiếm 21,3%, đạt 5,33 triệu USD, giảm 54,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ (HS 6911, 6912, 6913, 6914) của Mỹ trong tháng 6/2023 tăng tháng thứ 3 liên tiếp, đạt 154,41 triệu USD, tăng 0,7% so với tháng 5/2023, nhưng giảm 33,3% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này vào Mỹ đạt 880,22 triệu USD, giảm 36,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Đáng chú ý, nếu như thời gian trước Việt Nam đứng thứ 2 sau Trung Quốc trong số các thị trường cung cấp gốm sứ mỹ nghệ cho Mỹ, thì trong 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam giảm mạnh 46,6%, đạt 37,40 triệu USD và Việt Nam đứng thứ 4 sau các thị trường Trung Quốc, Bồ Đào Nha và Mexico, với thị phần trong nửa đầu năm 2023 giảm xuống mức 4,2% so với mức 5,1% của cùng kỳ năm 2022.

Thị trường xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 7/2023 và 7 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	So với tháng 6/2023 (%)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Tổng	**8.868**	**-5,6**	**-32,4**	**79.426**	**-46,9**	**100,0**	**100,0**
EU	3.117	-14,6	-38,1	26.949	-46,4	33,9	33,6
Hà Lan	1.248	88,8	-16,9	6.963	-47,4	8,8	8,8
Pháp	589	-60,4	-56,5	5.869	-36,2	7,4	6,2
Italia	713	9,5	-13,4	4.937	-16,8	6,2	4,0
Đan Mạch	165	-37,6	49,2	2.230	-28,2	2,8	2,1
Đức	151	52,9	-77,6	1.555	-79,6	2,0	5,1
Tây Ban Nha	97	-51,3	-34,0	1.553	-16,7	2,0	1,2
Ba Lan	23	-71,3	-78,2	935	-58,1	1,2	1,5
Thụy Điển	15	-84,9	-69,1	854	-40,4	1,1	1,0
Bỉ	2	-91,7	-98,0	655	-76,4	0,8	1,9
Ai Len	80	-	-37,0	502	-53,0	0,6	0,7
Mỹ	1.941	-8,9	-59,6	24.972	-55,7	31,4	37,7
Anh	1.028	-13,2	75,2	9.208	-42,7	11,6	10,7
Australia	963	54,1	-1,3	4.776	-50,0	6,0	6,4
Nhật Bản	314	-13,0	35,5	2.638	-16,4	3,3	2,1
Hàn Quốc	237	-1,8	161,0	1.639	-7,2	2,1	1,2

Thị trường	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	So với tháng 6/2023 (%)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Canada	85	950,9	-10,2	1.474	-51,6	1,9	2,0
Ấn Độ	62	-55,2	-44,0	757	41,3	1,0	0,4
UAE	32	-18,2	-61,0	693	54,4	0,9	0,3
New Zealand	285	642,0	30,6	618	-64,6	0,8	1,2
Trung Quốc	149	-18,3	875,9	542	124,5	0,7	0,2
Braxin	69	-40,0	-5,8	530	34,7	0,7	0,3
Đài Loan	56	56,8	-48,9	413	41,1	0,5	0,2
Chilê	140	183,0	39,1	338	-58,6	0,4	0,5
Ixraen	0	-	-	290	452,7	0,4	0,0
Campuchia	65	31,7	-6,2	269	-49,6	0,3	0,4
Thổ Nhĩ Kỳ	0	-100,0	-	257	-17,0	0,3	0,2
Ả Rập Xê út	4	474,7	-93,5	244	-38,0	0,3	0,3
Nga	0	-100,0	-	216	62,0	0,3	0,1
Nam Phi	21	-63,4	-26,8	200	28,4	0,3	0,1

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ

(Từ 08/82023 đến 22/8/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ 08/82023 đến 22/8/2023 đạt 5,01 triệu USD, tăng 8,3% so với kỳ trước (từ 25/72023 đến 08/8/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 2,24 triệu USD, tăng 29,2% so với kỳ trước; gốm trang trí đạt 1,865 triệu USD, tăng 3,5%; gốm sứ gia dụng đạt 731,39 nghìn USD, giảm 4,3%; bình gốm sứ đạt 126 nghìn USD, tăng 83,1%.

Trong kỳ, sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu sang 36 thị trường; trong đó có 2 thị trường đạt kim ngạch trên 1 triệu USD là: Pháp đạt 1,15 triệu USD, tăng 26,7% so với kỳ trước; Mỹ đạt 1,02 triệu USD, giảm 1,9%.

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Chậu gốm, kích thước: 76 x 76 x 94 cm, xuất khẩu sang thị trường Braxin có giá 304,5 USD/cái (FOB cảng Cái Mép); thác nước bằng gốm (L.60 W.60 H.113, L.85 W.85 H.45) cm, xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ có giá 257,6 USD/cái (FOB cảng Cát Lái); chậu đất nung 5-6170 AN (set 2- 71*106; 48*71cm), xuất khẩu thị trường Mỹ có giá 251,2 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); tượng gốm - 46027 (L.47 W.46 H.145) cm, xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ có giá 168,0 USD/cái (FOB cảng Cát Lái)…

Một số lô hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong kỳ *(Giá: FOB)*

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mạch	Chậu gốm bộ 2, quy cách: 62*72/46*61 cm	Bộ	9	72,6	Cái Mép
	Chậu gốm: D45 H55D34 H45 cm	Bộ	320	28,2	Cái Mép
	Chậu gốm bộ 3, quy cách: 37*30/29*25/22*18 cm	Bộ	250	13,2	Cái Mép
Ai Len	Chậu gốm bộ 4 tròn (46*37.5; 37*31; 29*25; 22*19)cm	Bộ	90	42,9	Cát Lái
	Đồ trang trí bằng gốm hình đôi ủng (25*24*36) cm	Cái	300	12,0	Cát Lái
	Đồ trang trí bằng gốm hình tròn trái banh (30*30) cm	Cái	168	10,5	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 2 treo tường (35*21*21; 26*16*15.5) cm	Bộ	152	7,9	Cát Lái
Anh	Chậu gốm bộ 5 tròn (50*46; 41*38; 33*31; 27*25; 20*19.5) cm	Bộ	85	48,1	Gemalink
	Chậu gốm (60cmx60cmx67cm)	Bộ	72	40,0	Cát Lái

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Chậu gốm bộ 4 tròn (40*42; 31*34; 24*27; 17.5*20) cm	Bộ	42	30,3	Gemalink
	Bình gốm (57x47) cm	Cái	952	22,6	Gemalink
	Chậu bằng gốm, đất nung, quy cách 32x32x30 cm	Cái	648	9,5	Gemalink
Australia	Chậu làm bằng gốm dùng để trồng hoa và cây kiểng, 1 set = 3 cái, size: 90x70x60cm	Bộ	26	162,0	Cát Lái
	Thác nước bằng gốm bộ 2 (50x51) cm; (85x45) cm	Bộ	8	85,0	Cát Lái
	Chậu gốm trang trí bộ 3 (93x80) cm; (70x67) cm; (47x55) cm	Bộ	170	84,0	Cát Lái
	Bình gốm trang trí (100x100) cm	Cái	15	50,0	Cát Lái
	Chậu gốm đất giả cổ, bộ 5. Kích thước: 59 x 50 cm	Bộ	16	38,3	Cát Lái
	Bát bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 35x34x10 cm	Cái	200	19,6	Tân Vũ
	Đĩa bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 38x30x5 cm	Cái	150	13,6	Tân Vũ
	Tượng gốm (48.5x25.5x35cm)	Cái	150	10,2	Transimex
Ba Lan	Chậu gốm bộ 3, size (42X53; 31X44; 22X33) cm	Bộ	24	41,9	Cát Lái
	Chậu đất nung bộ 2, size (35X18; 27X14) cm	Bộ	72	7,4	Cát Lái
Bỉ	Chậu bộ 2 gốm sân vườn kích thuớc D71/48H64/43 cm	Bộ	12	175,8	Đồng Nai
	Chậu bộ 4 gốm đất nung kích thuớc D64/50/38/28H48 cm	Bộ	24	57,9	Đồng Nai
	Banh Gốm sân vườn kích thuớc D30H29 cm	Cái	312	8,6	Đồng Nai
Braxin	Chậu gốm KT 76x76x94cm	Cái	2	304,5	Cái Mép
	Chậu gốm bộ 2 KT 80x80x80cm	Bộ	6	264,0	Cái Mép
Campuchia	Đĩa bằng sứ, kích thước 329 x 219 x 29 mm	Cái	20	47,8	Mộc Bài
	Đĩa trang trí 30 cm lộc phát (có vệt) lõm bằng gốm	Cái	50	18,0	Cát Lái
	Khay tròn 24x6.5cm đen quẹt trắng (lòng lõm) bằng gốm	Cái	50	13,2	Cát Lái
Canada	Chậu gốm bộ 2 cái (kích thước 50x60cm)	Bộ	15	35,8	Cái Mép
	Chậu gốm bộ 3 cái (kích thước 40x60cm)	Bộ	290	34,7	Cái Mép
Ấn Độ	Thác nước bằng gốm (L.60 W.60 H.113, L.85 W.85 H.45) cm	Cái	5	257,6	Cát Lái
	Chậu gốm - 11087 (L.108 W.108 H.72) cm	Cái	3	180,6	Cát Lái
	Tượng gốm - 46027 (L.47 W.46 H.145) cm	Cái	3	168,0	Cát Lái
	Cốc bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 12x9x7cm	Bộ	1.000	8,2	Lạch Huyện
	Âm tra băng sư dung trong nha bêp, KT: 10.5x10.5x11cm	Cái	126	7,5	Lạch Huyện
Hà Lan	Chậu gốm tròn, kích thước: 75*56cm	Cái	21	69,6	Cái Mép
	Chậu gốm bộ 4 (30/37/47/58*H26/33/39/47cm)	Bộ	112	41,8	Gemalink
Hàn Quốc	Chậu đất nung, size: (45 x 38 x 135) cm	Cái	12	113,0	Cát Lái
	Chậu gốm đất phẻn, bộ 3. Kích thước: 55 x 62 cm	Bộ	24	43,7	Cát Lái
Italia	Khung ảnh bằng gốm sứ (KT: 25.0cm x 20.4cm x 3.0cm)	Cái	96	7,5	Lạch Huyện
	Khung ảnh gốm có nơ và trái tim nhỏ trang trí (14x 9x 6.35cm)	Cái	596	3,8	Nam Đình Vũ
	Trang trí gốm ELEPHANT BIG (KT: 10.45 x 14.44x 14.345cm)	Cái	270	3,4	Nam Đình Vũ
Látvia	Chậu gốm dùng để trồng cây (1 bộ = 2 cái) 50x75;41x63 cm	Bộ	12	90,8	Cái Mép
	Chậu gốm dùng để trồng cây (1 bộ = 4 cái), Size: 56x48; 46x38; 37x30; 28x23 cm	Bộ	16	85,7	Cái Mép
Mỹ	Chậu đất nung5-6170 AN (set 2- 71*106; 48*71cm)	Bộ	6	251,2	Cái Mép
	Chậu đất nung5-6176-AN (SET 3; 88*91; 60*74; 41*62cm)	Bộ	10	250,1	Cái Mép
	Chậu đất nung 5-6192AW (set 3- 98*80; 80*62; 61*52cm)	Bộ	8	228,9	Cái Mép
	Lọ gốm to gắn hoa 3D, kích thước D20.5xH25.5cm	Cái	24	120,0	Hà Nội
	Chậu gốm đất nung, Set of 3 SIZE (52 x 91; 40 x 70; 32 x 56) cm	Bộ	18	103,8	Phước Long
	Chậu gốm bộ 2, MH: 81351, (DxC: 59x71; 43x51cm)	Bộ	72	89,7	Phước Long
	Thú trang trí gốm (45x45) cm	Cái	24	40,3	Cái Mép
	Bình gốm (40x40x52cm)	Cái	151	35,7	Cái Mép
Nam Phi	Chậu bằng gốm (D75-60-50-38-29 H68-52-40-35-29) cm	Bộ	308	26,1	Cát Lái
	Chậu gốm sân vườn, kích thước: (D45H46) cm	Cái	150	25,5	Cát Lái
New	Chậu gốm bộ 4 tròn (44*49; 36*41.5; 28.5*35.5; 23*30) cm	Bộ	48	46,8	VICT

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Zealand	Chậu gốm bộ 3 vuông (34*33.5; 27.3*27.5; 21*21.5) cm	Bộ	120	25,8	VICT
Nhật Bản	Chậu gốm trồng cây bộ 3 (55x49cm, 43x38cm, 32x28cm)	Bộ	16	51,2	Cát Lái
	Chậu gốm trồng cây (27cmx27cm)	Cái	434	12,1	Cát Lái
	Cốc gốm, kích thước: H10,5 cm	Cái	48	11,2	Nam Đình Vũ
Philippin	Chậu gốm bộ 3, KT: 86x86x60cm	Bộ	6	112,0	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 4, KT: 67x67x55cm	Bộ	12	85,0	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 2, KT: 40x40x91cm	Bộ	12	64,0	Cát Lái
Tây Ban Nha	Chậu Gốm Bộ 7 (Phi 83, 70, 57, 46, 36, 31, 23cm)	Bộ	90	102,2	Cát Lái
	Chậu Gốm Bộ 6 (Phi 70, 60, 50, 40, 30, 20cm)	Bộ	120	99,3	Cát Lái
	Chậu gốm đất phèn, bộ 5. Kích thước: 60 x 60 cm	Bộ	63	65,3	Cát Lái
	Chậu gốm đất giả cổ, bộ 3. Kích thước: 61 x 61 cm	Bộ	96	48,4	Cát Lái

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Thương mại điện tử đồ nội thất tăng nhanh trên thị trường toàn cầu

Theo Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp Italia (CSIL), trong khoảng 2 thập kỷ, số lượng người dùng internet đã tăng từ khoảng 418 triệu lên hơn 4 tỷ, với doanh số bán hàng trực tuyến đạt 5,7 nghìn tỷ USD từ mức chỉ 50 tỷ USD vào năm 2000.

Theo CSIL, trị giá đồ nội thất toàn cầu được bán trực tuyến khoảng 96 tỷ USD, chiếm khoảng 11% lượng tiêu thụ đồ nội thất trên toàn thế giới theo giá của người dùng cuối, trong khi đó ước tính trị giá đồ nội thất được bán trực tuyến chỉ chiếm 1% vào năm 2000.

Mỹ hiện là thị trường giao dịch thương mại điện tử lớn nhất trên toàn cầu về trị giá, tiếp theo Trung Quốc và châu Âu. Tỷ lệ thâm nhập của thương mại điện tử vào tiêu dùng đồ nội thất cao hơn ở Bắc Mỹ chiếm 15%, tiếp theo là Châu Á - Thái Bình Dương chiếm 11% và Châu Âu chiếm 10%.

Xu hướng phát triển

Trong khi mức tiêu thụ đồ nội thất toàn cầu giảm trung bình 3% trong giai đoạn năm 2019-2022 thì mức tiêu thụ thương mại điện tử lại tăng 18%. Hoạt động bán hàng trực tuyến bùng nổ đã được ghi nhận vào năm 2020 và 2021, trong khi vào năm 2022, xu hướng này về cơ bản là không thay đổi.

Thị trường hiện đang bị ảnh hưởng bởi sự biến động ngày càng tăng do cuộc chiến giữa Nga-Ucraina và lạm phát gia tăng. Do đó, niềm tin của người tiêu dùng giảm và chi tiêu cho những khoản mua sắm lớn như đồ nội thất đang bị trì hoãn. Tốc độ mua sắm đồ nội thất trực tuyến tại các khu vực địa lý khác nhau, trong đó các nước châu Âu nhìn chung tăng nhanh hơn, tiếp theo là Bắc Mỹ. Trong khi đó, các nước châu Á (đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) tốc độ chi tiêu cho đồ nội thất trực tuyến giảm hơn mức trung bình. Các khu vực được đề cập chiếm 95% doanh số bán đồ nội thất thương mại điện tử trên toàn thế giới.

Mô hình kinh doanh kết hợp cả ngoại tuyến và trực tuyến

Năm 2021 là một năm tích cực về nhu cầu đồ nội thất về tỷ lệ bán hàng và thương mại điện tử. Tuy nhiên, sang năm 2022, thị trường đồ nội thất phải đối mặt với một số thách thức và gián đoạn trong chuỗi sản xuất và cung ứng: thiếu nguyên liệu và

linh kiện, biến động giá đầu vào, chi phí năng lượng tăng, logictics tắc nghẽn, tăng chi phí vận chuyển, ảnh hưởng thương mại và gây chậm trễ trong giao hàng.

Áp lực lạm phát mạnh, nhu cầu đối với các sản phẩm liên quan đến sản phẩm nội thất gia đình giảm và niềm tin của người tiêu dùng thấp đang gây thêm bất ổn cho thị trường.

Quỹ đạo tăng trưởng của bán hàng trực tuyến vẫn đang tăng và đại dịch đã đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang trực tuyến hoàn toàn. Các nhà bán lẻ điện tử bao gồm các nền tảng thương mại điện tử toàn cầu (như Amazon), thị trường khu vực rộng lớn (như TMall) và các cửa hàng trực tuyến về đồ nội thất chuyên dụng (như Wayfair, Home24 hoặc Dunelm) chiếm hơn 50% thị trường vào năm 2022. Các đại lý đồ nội thất chuyên nghiệp và các nhà phân phối hoạt động thông qua cả cửa hàng thực tế và thương mại điện tử cũng đang phát triển nhanh chóng.

Trong phân khúc đồ nội thất, thì đồ nội thất ngoài trời có tốc độ tăng trưởng nhanh trong doanh số bán hàng đồ nội thất trực tuyến. Bên cạnh đó phân khúc đồ nội thất văn phòng cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh (trong đó chủng loại ghế văn phòng có tốc độ tăng nhanh nhất). Ngoài ra bàn làm việc tại nhà, ghế và giường cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng đáng kể.

Phương pháp Omni-channel

Omni-channel là mô hình tiếp cận đa kênh để tiếp thị, bán hàng và phục vụ khách hàng theo cách tạo ra những trải nghiệm tích hợp, bất kể khách hàng đang ở đâu, lúc nào và sử dụng kênh nào. Omni-channel đang là một xu hướng nổi bật trong marketing mà nhiều doanh nghiệp đang nghiên cứu và triển khai.

Thị trường đồ nội thất trực tuyến là một thị trường có tính cạnh tranh cao và thay đổi nhanh chóng. Theo xu hướng chính, phần lớn các nhà bán lẻ đang hướng tới chiến lược đa kênh. Ngày nay, khách hàng luôn được kết nối và họ đã quen với các dịch vụ theo yêu cầu mà họ có thể truy cập khi họ muốn.

Người tiêu dùng đã quen với sự lựa chọn gần như không giới hạn mà họ có thể truy cập trực tuyến, từ mọi nơi, mọi lúc. Và họ mong đợi trải nghiệm liền mạch được kết hợp giữa các cửa hàng thực tế, trực tuyến hoặc điện thoại và nơi họ có thể chuyển đổi giữa các kênh một cách dễ dàng.

Xuất khẩu gỗ sồi trắng của Mỹ sang EU tăng 116%

Theo nguồn globalwood.org, xuất khẩu gỗ sồi trắng từ Mỹ sang Liên minh Châu Âu trong 6 tháng đầu năm 2023, tăng 116%, trong khi tổng lượng xuất khẩu gỗ sồi trắng Mỹ tới các thị trường giảm 9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Mỹ xuất khẩu gỗ sồi trắng sang Tây Ban Nha tăng hơn gấp 3 lần với mức tăng 238%, tiếp theo là Đức tăng 85%, Bồ Đào Nha tăng 35% và Italia tăng 30%. EU là một thị trường tương đối nhỏ đối với gỗ sồi trắng của Mỹ. Năm 2022, xuất khẩu gỗ sồi trắng sang EU chỉ chiếm 2% tổng lượng xuất khẩu gỗ sồi trắng của Mỹ. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu gỗ sồi trắng của Mỹ sang EU đã tăng đáng kể trong 6 tháng đầu năm 2023.

Hiện nay, xuất khẩu gỗ sồi trắng của Mỹ tới một số thị trường chính chiếm tỷ trọng cao như Trung Quốc chiếm 46%, Việt Nam chiếm 18%, Canada chiếm 17% và Nhật Bản chiếm 6%.

Theo truyền thống, hầu hết gỗ sồi trắng xuất khẩu sang EU đều được dùng để sản xuất ván lạng. Các doanh nghiệp tại EU sẽ tiết kiệm chi phí hơn nếu mua gỗ xẻ và gỗ từ các nhà máy ở Mỹ. Tuy nhiên, theo Hội đồng Xuất khẩu Gỗ cứng Mỹ, nguồn

cung gỗ cứng của Mỹ có thể đáp ứng các yêu cầu pháp lý của Quy định mới về phá rừng của EU dự kiến sẽ chỉ ở mức 10%.

THAM KHẢO

Mỹ tiếp tục gia hạn thời gian điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với tủ gỗ từ nhập khẩu Việt Nam

Theo Cục Phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương, Cục Phòng vệ thương mại (PVTM) nhận được thông tin về việc Bộ Thương mại Mỹ (DOC) tiếp tục gia hạn thời gian ban hành kết luận cuối cùng về điều tra xem xét phạm vi sản phẩm; thời gian ban hành kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng về điều tra lẩn tránh thuế PVTM đối với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

Theo thông báo của DOC, kết luận cuối cùng về điều tra xem xét phạm vi sản phẩm dự kiến được ban hành vào ngày 02 tháng 10 năm 2023. Đối với điều tra lẩn tránh thuế, DOC cũng đã tiếp tục gia hạn thời gian ban hành kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng của vụ việc tới ngày 16 tháng 10 năm 2023 và ngày 15 tháng 01 năm 2024.

Trước đó, ngày 17 tháng 3 năm 2023, DOC đã ban hành kết luận sơ bộ về điều tra xem xét phạm vi sản phẩm đối với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam vào Mỹ. Theo đó:

Sản phẩm có thành phần cửa, mặt hộc và khung gỗ sản xuất tại Trung Quốc, sau đó được lắp ráp tại Việt Nam và được kết hợp với hộp ván tủ và hộp hộc kéo sản xuất ở Việt Nam: thuộc phạm vi lệnh áp thuế gốc với Trung Quốc;

Sản phẩm có cửa, mặt hộc và khung gỗ là bán thành phẩm được sản xuất tại Trung Quốc, sau đó tiếp tục gia công tại Việt Nam và được kết hợp với hộp ván tủ và hộp hộc kéo sản xuất ở Việt Nam; và sản phẩm có các chi tiết bán thành phẩm của cửa, mặt hộc và khung gỗ (bao gồm đai, trụ, ván) được sản xuất tại Trung Quốc, sau đó tiếp tục gia công tại Việt Nam và được kết hợp với hộp ván tủ và hộp hộc kéo sản xuất ở Việt Nam: chưa đủ thông tin để kết luận;

Ván đá chân được sản xuất tại Trung Quốc, và được kết hợp tại Việt Nam với các cấu phần cần thiết khác để tạo thành một tủ gỗ hoàn chỉnh tại Việt Nam: không thuộc phạm vi lệnh áp thuế gốc với Trung Quốc.

Từ tháng 4 năm 2020 đến nay, Mỹ áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) với tủ gỗ có xuất xứ từ Trung Quốc với mức thuế CBPG là từ 4,37% đến 262,18%, mức thuế CTC là từ 13,33% đến 293,45%. Ngày 24 tháng 5 và ngày 07 tháng 6 năm 2022, DOC lần lượt khởi xướng điều tra phạm vi sản phẩm và điều tra lẩn tránh thuế PVTM đối với sản phẩm tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chuyên viên phụ trách: Hà Văn Hiếu, Điện thoại: 024.7303.7898 (máy lẻ 110), Email: hieuhv@moit.gov.vn; ngocny@moit.gov.vn.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**
Giấy phép xuất bản: **54/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 26 tháng 8 năm 2022
Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**
In tại: **Hà Nội**